

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 01-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Kim Nga

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2017/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn V, sinh năm 1970;

Địa chỉ: đường M, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tiểu L- Công ty Luật hợp danh H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Võ Thị C, sinh năm 1974;

Địa chỉ: đường M, Khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn V - nguyên đơn.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn V thể hiện:

Ông V và bà Võ Thị C kết hôn vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T. Sau khi kết hôn, ông V và bà C sống chung ở nhà mẹ ruột của bà C tại thị trấn T. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2006, ông V chuyển công tác về huyện B và nhiều huyện khác trong tỉnh Long An, do ông V là cán bộ quản lý thị trường nên thường xuyên sống xa nhà, vì vậy ông V không có điều kiện chăm lo cho bà C, trong khi đó bà C không chịu về làm dâu bên nhà mẹ ruột ông V. Ông V và bà C sống chung hơn 20 năm mà không có con chung, cả hai chỉ có một con nuôi tên Nguyễn Minh T, sinh năm 1998 (đã trưởng thành), ông V và bà C đã không sống chung từ năm 2015 cho đến nay. Từ những nguyên nhân trên, ông V và bà C phát sinh mâu thuẫn. Ông V thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông V yêu cầu ly hôn với bà C.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Võ Thị C trình bày:

Bà C thống nhất với lời trình bày của ông V về thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Bà C thừa nhận trong quá trình sống chung, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không có gì trầm trọng, nguyên nhân là do ông V với bà C không có con chung mà chỉ có con nuôi, ông V thường xuyên đi làm xa nhà không có điều kiện chăm sóc vợ con nên ông V tự ái về trách nhiệm làm chồng, từ đó yêu cầu ly hôn với bà C. Ngoài ra, ông V còn ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng vì ông V là cán bộ quản lý thị trường nên bà C không nói ra do sợ ông V bị mất uy tín. Bà C không đồng ý ly hôn với ông V vì còn thương ông V và luôn tạo điều kiện cho ông V về để vợ chồng sống hạnh phúc. Về con chung, ông V và bà C có một con nuôi tên Nguyễn Minh T, sinh năm 1998 (đã trưởng thành), bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã: áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn V đối với bà Võ Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ giữa ông Nguyễn V và bà Võ Thị C vẫn còn là quan hệ vợ chồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 11 tháng 4 năm 2017, nguyên đơn là ông Nguyễn V kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho ông được ly hôn với bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: ông V đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn với bà C do mâu thuẫn kéo dài và đã trầm trọng. Tại

Tòa án cấp sơ thẩm, bà C đã thuận tình ly hôn nhưng sau đó bà C thay đổi ý kiến. Ông V và bà C đã phân chia tài sản chung nên kinh tế độc lập. Từ khi xét xử sơ thẩm đến nay, ông V và bà C không có hàn gắn gì về tình cảm. Ông V cho rằng bà C không tôn trọng và không giữ uy tín cho ông, vợ chồng không còn tình cảm và không còn chung sống từ năm 2015 đến nay. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, cho ông V ly hôn với bà C.

Nguyên đơn ông Nguyễn V trình bày: ông và bà C đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thật sự ly thân từ đầu năm 2015 đến nay, không còn tình cảm với nhau, kinh tế độc lập, bà C không biết quan tâm đến gia đình bên ông, mẹ ông bị bệnh nhưng bà C không thăm hỏi, hai bên không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn chủ yếu là do bà C đòi làm chủ kinh tế gia đình, đòi đứng tên tài sản trong gia đình. Ngoài ra, bà C luôn ghen tuông không có căn cứ, còn hăm dọa ông nếu ông ly hôn. Ông thấy rằng hai bên mâu thuẫn đã kéo dài, do bất đồng quan điểm nên không thể tiếp tục chung sống, ông yêu cầu ly hôn để trả tự do cho nhau.

Bị đơn bà Võ Thị C trình bày: ông V cho rằng vợ chồng ly thân năm 2015 là không đúng. Từ khi cưới đến nay, ông V vẫn thường xuyên công tác xa nhà và cuối tuần vẫn về thăm gia đình. Từ khi xét xử sơ thẩm đến nay, bà và ông V vẫn sống chung khi ông V về thăm gia đình, do hiện nay ông V đang công tác tại huyện Đ. Ông V vẫn quan tâm lo cho gia đình, không có việc độc lập về kinh tế. Nếu bà biết ông V chia tài sản để ly hôn thì bà sẽ không đồng ý việc chia tài sản. Còn việc ông V để bà đứng tên tài sản là để thuận tiện cho việc giao dịch phát triển kinh tế gia đình, do ông V đi làm xa nhà. Khi mẹ ông V bệnh, bà có đến thăm hỏi. Bà không biết lý do gì ông V xin ly hôn, có những nguyên nhân do để bảo vệ uy tín cho chồng nên bà không thể trình bày tại phiên tòa. Bà luôn tạo điều kiện để vợ chồng sống hạnh phúc, chăm lo cho con. Bà thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, bà còn thương ông V nên không đồng ý ly hôn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: ông V và bà C đều không chứng minh được giữa vợ chồng có mâu thuẫn hay không; ông V kiên quyết ly hôn nhưng bà C không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, cả hai bên trình bày không thống nhất nhau về nguyên nhân dẫn đến việc ông V xin ly hôn. Nguyên nhân chính của việc ông V xin ly hôn là có nhưng các đương sự không trình bày. Thấy rằng, hai bên có mâu thuẫn kéo dài trong cuộc sống vợ chồng, ông V bị hụt hẫng về tình cảm. Nếu để đoàn tụ thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Ông Nguyễn V và bà Võ Thị C chung sống có đăng ký kết hôn ngày 08/3/1995 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

Những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn mà ông V đưa ra không được bà C thừa nhận và ông V không có chứng cứ gì chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Ông V cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là bà C đòi làm chủ kinh tế gia đình, đòi đứng tên tài sản trong gia đình. Thấy rằng mâu thuẫn này cũng đã được giải quyết, ông V và bà C đã có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với lý do để thuận lợi cho việc quản lý và sử dụng tài sản. Bà C cũng đồng ý nếu ông V yêu cầu đứng tên tài sản thì bà C vẫn để ông V đứng tên.

Bà C thừa nhận trong quá trình sống chung, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, nguyên nhân là do ông V với bà C không có con chung mà chỉ có con nuôi, do ông V đi làm xa nhà không có điều kiện chăm sóc vợ con nên thấy chưa tròn trách nhiệm làm chồng, làm cha. Bà C không đồng ý ly hôn với ông V vì còn thương ông V, luôn tạo điều kiện để vợ chồng chung sống hạnh phúc. Ngoài ra, bà C còn cung cấp cho Tòa án tinh dịch đồ ngày 27/7/2005 của Bệnh viện T xác định tinh dịch của ông Nguyễn V so với các trị số bình thường đều dưới mức bình thường. Tại phiên tòa hôm nay, ông V còn thừa nhận việc vợ chồng không có con là do cả hai vợ chồng. Việc vợ chồng không có con chung không là nguyên nhân để yêu cầu Tòa án cho ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Với những lý do ông V đưa ra để yêu cầu ly hôn với bà C thì ông V và bà C không có vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng hoặc có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, ông V yêu cầu ly hôn với bà C là không có căn cứ chấp nhận. Cần tạo điều kiện cho bà C và ông V hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nuôi dạy con - đó cũng là mong ước lớn nhất của cháu Nguyễn Minh T là con nuôi của hai vợ chồng.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Vc là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Kháng cáo của ông Nguyễn V và lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: ông Nguyễn V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn V.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 12/2017/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 47, 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn V đối với bà Võ Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ giữa ông Nguyễn V và bà Võ Thị C vẫn còn là quan hệ vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn V phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm; chuyển 200.000 đồng tạm ứng án phí mà ông V đã nộp theo biên lai thu số 0003795 ngày 17/11/2016 và 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông V đã nộp theo biên lai thu số 0003979 ngày 18/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu